TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1187/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng.
2. Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2019, về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3692/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trường L, sinh năm 1988; Địa chỉ: 122/34/15/1A Tôn Đản, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Archer P, sinh năm 1970; Quốc tịch: CND; Địa chỉ: 1020 St Clarens Ave Toronto On M6H 3X7, CND (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/6/2019, bản tự khai ngày 05/8/2019 của nguyên đơn Bà Lê Thị Trường L trình bày:

Bà và Ông Archer P tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1573 quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác biệt trong tính cách và lối sống. Gia đình không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2017 bà nộp đơn xin ly hôn nhưng tháng 8/2018 bà

rút đơn để mong cho cả hai cơ hội hàn gắn hôn nhân. Tuy nhiên, việc hàn gắn không đạt được kết quả, mâu thuẫn không được giải quyết. Hai vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn với Ông Archer P để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Lê Thị Trường L khai không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 602/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền CND thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 19 tháng 03 năm 2020, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 17 tháng 04 năm 2020 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 18 tháng 5 năm 2020, xét xử công khai lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với Ông Archer P.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, Bộ Tư pháp đã có công văn số 2873/CH-BTP theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tổng Chưởng lý Tòa án bang Ontario, CND thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp nói trên của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 417/TATP-TGĐVNCTN về đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp nhưng đến nay vẫn không nhận được kết quả trả lời của Cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, Bà Lê Thị Trường L có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án, do bà bận công việc, không sắp xếp được thời gian theo lịch triệu tập của Tòa án.

Bị đơn Ông Archer P đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng Archer P không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Trường L được ly hôn với Ông Archer P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Trường L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Archer P. Bị đơn hiện đang cư trú tại 1020 St Clarens Ave Toronto On M6H 3X7, CND. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Archer P đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 1573 quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2013 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Trường L và Ông Archer P là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của Bà L khai rằng hai vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác biệt trong tính cách và lối sống. Gia đình không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2017 bà nộp đơn xin ly hôn nhưng tháng 8/2018 bà rút đơn để mong cho cả hai cơ hội hàn gắn hôn nhân. Tuy nhiên, việc hàn gắn không đạt được kết quả, mâu thuẫn không được giải quyết. Hai vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo ngày giờ hòa giải, xét xử cho Ông Archer P nhưng Ông Archer P vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt, qua đó cho thấy Ông Archer P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị Trường L khai không có.

[3.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Nợ chung: Bà Lê Thị Trường L khai không có.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trinh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/013218 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Bà L phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà L đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Lê Thị Trường L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Archer P thời hạn kháng cáo bản án là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Trường L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Trường L được ly hôn với Ông Archer P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 1573 quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2013 cho Bà Lê Thị Trường L và Ông Archer P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Lê Thị Trường L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/013218 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Bà L phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà L đã nộp đủ.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Lê Thị Trường L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Archer P thời hạn kháng cáo bản án là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh